

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 356/2025/HC-PT
Ngày: 27/5/2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý phúc thẩm số 627/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4806/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Thông báo số 5158/2025/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Lưu Thị B, sinh năm 1959; trú tại: Đ, thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Hữu S - Luật sư của Văn phòng L và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị T; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã K, huyện

Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở UBND xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hộ gia đình bà Lê Thị K (đã chết) đại diện hộ gia đình đứng tên Lưu Thị B là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R164404 do UBND huyện Đ cấp năm 2000 tổng diện tích là 152,5m². Quá trình sử dụng đất, gia đình đã bị Nhà nước thu hồi đất gồm:

Tại dự án Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị B - V (Nhà điều hành) theo Quyết định số 946/QĐ-UB ngày 05/12/2002 của UBND thành phố H, hộ gia đình bà Lưu Thị B (Lê Thị K) bị thu hồi 34,4m² đất nông nghiệp.

Tại dự án Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị B1 (Xây dựng cầu vượt và nút giao thông K2) theo Quyết định số 644/QĐ-UB ngày 04/9/2002 của UBND thành phố H, hộ gia đình bà Lưu Thị B (Lê Thị K) bị thu hồi 02m² đất nông nghiệp.

Tại dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông B2 theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của UBND thành phố H, hộ gia đình bà Lưu Thị B (Lê Thị K) bị thu hồi 38,2m² đất nông nghiệp.

Tại dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ, hộ gia đình bà Lưu Thị B bị thu hồi 9,6m² đất nông nghiệp. Ngày 22/11/2016, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4906/QĐ-UBND về việc thu hồi 9,6m² đất nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP của hộ gia đình ông (bà) Lê Thị K (B) để triển khai giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ. Ngày 22/11/2016, UBND huyện Đ có Quyết định số 4935/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi nhà nước thu hồi 1.653,4m² đất nông nghiệp, cây trồng và tài sản trên đất của 29 hộ gia đình thôn H, xã K để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ. Trong đó: Hộ gia đình bà Lê Thị K (B) - (STT1) bị thu hồi 9,6m² đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 8.736.000 đồng, trong đó số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm được phê duyệt là: 6.480.000 đồng; bằng 05 lần giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H. Tại Biên bản nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và cam kết bàn giao mặt bằng để xây dựng dự án nhà thu nhập thấp do Chủ đầu tư và đại diện hộ gia đình thống nhất xác lập ngày 19/12/2016 đã được UBND xã K, Lãnh đạo thôn H xác nhận hộ gia đình bà Lưu Thị B (Kín) đã nhận đủ số tiền: 8.736.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ (trong đó có 6.480.000 đồng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; bằng 05 lần giá đất nông nghiệp) đồng thời hộ gia đình bà Lưu Thị B (Kín) nhất trí và ký trong Biên bản “*bàn giao ngay diện tích đất cho Tổng Công ty V và Tổng Công ty H (Chủ đầu tư) mà không có bất kỳ sự kháng nghị hoặc phát*

sinh nào”.

Ngày 23/7/2019, UBND huyện Đ có Quyết định số 4969/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách các hộ gia đình cá nhân (đợt 8) tại thôn H, xã K đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng giao đất ở khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và khoản 2, 3 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H (trong đó có hộ gia đình ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Ngày 22/6/2021, UBND huyện Đ có Quyết định số 5899/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện Đ và điều chỉnh danh sách kèm theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện Đ; theo đó: điều chỉnh từ 10 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, nay điều chỉnh còn 06 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ. Lý do điều chỉnh: Do các hộ gia đình các ông (bà): Lê Minh T2, Lê Thị K (Bè), Trần Thị K1, Trần Văn N đã nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp vào các năm 2015, 2016 tại Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ nhưng tại Giấy xác nhận phục vụ công tác xét giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP, UBND xã K xác nhận 04 hộ gia đình trên chưa nhận hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp sau thời điểm 30/9/2009.

Ông Lưu Minh T1, bà Lê Thị K (B), bà Trần Thị K1 (Trần Thị X) cùng có đơn kiến nghị đề nghị được điều chỉnh phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị M (hoàn trả phần chênh lệch kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm để được hỗ trợ bằng giao 80m² đất ở).

Ngày 20/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Văn bản số 184/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của các ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B, thôn H, xã K về nội dung đề nghị được điều chỉnh phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị M (hoàn trả phần chênh lệch kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm để được bồi thường, hỗ trợ bằng hình thức giao đất dịch vụ (đất ở) cho hộ gia đình theo các Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H là đúng.

Không đồng ý với Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 về việc kiến nghị của các ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B; địa chỉ:

thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, bà Lưu Thị B tiếp tục khiếu nại Văn bản nêu trên tới Chủ tịch UBND huyện Đ.

Ngày 22/7/2022, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8919/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lưu Thị B, địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, Hà Nội (lần đầu).

Ngày 14/9/2022, bà Lưu Thị B (K) làm Đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ về việc kiến nghị của các ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B; địa chỉ: thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội;

- Hủy Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện đúng Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt danh sách 10 hộ gia đình, cá nhân tại thôn H, xã K đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng giao đất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/06/2008 và khoản 2, 3 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND thành phố H.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trình bày tại tòa, người khởi kiện bà Lưu Thị B trình bày: Gia đình bà là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp bị thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được giao theo NĐ 64 và đủ điều kiện tiêu chuẩn được hưởng chính sách pháp luật về đất đai theo Luật đất đai năm 2003 và chế độ chính sách pháp luật về đất đai của Nhà nước. Từ năm 2008, gia đình bà đã được UBND huyện Đ rà soát và phê duyệt. Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt danh sách 10 hộ gia đình, cá nhân tại thôn H, xã K đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng giao đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/06/2008 và khoản 2, 3 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND thành phố H. Tuy nhiên, UBND huyện Đ vi phạm quy định: Trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quy định quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan của Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND thành phố H dẫn đến Quyết định thu hồi đất số 4935/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện Đ và Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 về việc phê duyệt quy chế giao đất ở, đất dịch vụ, công tác rà soát đất ở, đất dịch vụ được thực hiện song song với công tác giải phóng mặt bằng của dự án, phương án bồi thường hỗ trợ của dự án được phê duyệt trước khi có kết quả rà soát đất ở, đất dịch vụ. Như vậy việc Quyết định thu hồi đất số 4935/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 ban hành sau hai ngày Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết

định số 4511/QĐ-UBND ngày 20/10 2016 về việc phê duyệt quy chế giao đất ở, đất dịch vụ mà gia đình bà B đã được xét giao đất ở cho các hộ gia đình cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008; khoản 2 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H. Việc các hộ được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và khoản 2 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H vẫn phê duyệt hưởng 5 lần giá đất mà không có sự thỏa thuận của các hộ theo Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 20/10 2016 về việc phê duyệt quy chế giao đất ở, đất dịch vụ là sai trái.

Gia đình bà B bị thu hồi đất tại Quyết định thu hồi đất số 4935/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện Đ để thực hiện Dự án Xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K và diện tích đất bị Nhà nước thu hồi 9,6m² đất sản xuất nông nghiệp. Gia đình đã nhận tiền bồi thường về đất: 135.000đ/1m² x 5 = 675.000đ x 9,6m² = 6.480.000 đồng; Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 3,5 lần giá đất (135.000đ/1m² x 3,5 = 472.500 đồng x 9,6m² = 4.536.000 đồng; Chênh lệch là 1.944.000 đồng. Gia đình bà B bị thu hồi đất theo sau thời điểm đã được UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 về việc phê duyệt quy chế giao đất ở, đất dịch vụ như vậy là không đúng quy định của pháp luật.

Thời điểm ban hành Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 22/07/2022 và Công văn số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ là không đúng thời điểm đối với chế độ hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 về việc phê duyệt quy chế giao đất ở, đất dịch vụ được quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/06/2008 và Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND thành phố H. Gia đình bà Lưu Thị B không có thỏa thuận gì về việc nhận bằng 5 (năm) lần đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa được hỗ trợ nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền một lần, giao đất dịch vụ đất ở, bán căn hộ chung cư tại Quyết định thu hồi đất số 4935/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện Đ để thực hiện dự án xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K. Quá trình thực hiện Quyết định trên có 11 gia đình do không biết và chủ đầu tư cùng cán bộ địa phương vận động nhận tiền và ngay sau khi nhận tiền bồi thường theo Quyết định thu hồi đất số 4935/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện Đ, thì cả 11 hộ đã làm đơn đề nghị điều chỉnh lại phương án bồi thường theo Quyết định thu hồi đất số 4935/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ nhưng chỉ có 04 hộ được chấp nhận và đã được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng giao đất khi nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/06/2008 và Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND thành phố H.

Người khởi kiện UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:
Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng hình thức giao đất ở được Ủy ban nhân dân thành phố H quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 áp dụng đối với trường hợp hộ gia đình bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP, có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trong giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/9/2009.

Tại Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố (có hiệu lực từ 01/10/2009 và thay thế Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008), chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đã được thực hiện chi trả bằng tiền một lần (05 lần giá đất nông nghiệp) và không còn chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng hình thức giao 80m² đất ở. Đồng thời, tại Điều 40 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 cũng quy định đối với các hộ gia đình đủ điều kiện giao 01 suất đất ở theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 sẽ không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp.

Ngày 23/7/2019, UBND huyện Đ có Quyết định số 4969/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách các hộ gia đình cá nhân (đợt 8) tại thôn H, xã K đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng giao đất ở khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và khoản 2, 3 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H (trong đó có hộ gia đình ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B; địa chỉ: thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội).

Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, rà soát các hộ gia đình ông (bà): Lê Minh T2, Lê Thị K (Bè), Trần Thị K1 (Trần Thị X1), Trần Văn N đã nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H nên không đủ điều kiện để được xem xét, phê duyệt chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng hình thức giao 80 m² đất ở theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và khoản 2, 3 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ngày 22/6/2021, UBND huyện Đ có Quyết định số 5899/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện Đ và điều chỉnh danh sách kèm theo Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện Đ. Theo đó: điều chỉnh từ 10 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, nay điều chỉnh còn 06 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ. Lý do điều chỉnh: Do các hộ gia đình các ông (bà): Lê Minh T2, Lê Thị K (Bè), Trần Thị K1, Trần Văn N đã nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề

ng nghiệp và tạo việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp vào các năm 2015, 2016 tại Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ nhưng tại Giấy xác nhận phục vụ công tác xét giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP, UBND xã K xác nhận 04 hộ gia đình trên chưa nhận hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp sau thời điểm 30/9/2009.

Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án hộ gia đình bà Lưu Thị B chưa có kết quả rà soát điều kiện để lập danh sách xét giao đất ở dịch vụ theo quy định của UBND xã K; trong phương án bồi thường không phê duyệt nội dung giao đất; không có thông báo ghi nhận nợ 80m² đất ở của UBND huyện Đ đối với hộ gia đình bà Lưu Thị B (Kín); chưa có ý kiến chấp thuận của UBND thành phố theo chỉ đạo của UBND thành phố H tại Văn bản số 6027/UBND-TNMT ngày 03/8/2010 và Thông báo số 49/TB-UBND ngày 15/3/2012.

Căn cứ các quy định của pháp luật, căn cứ các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố H, UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 về việc trả lời đơn kiến nghị của các ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B, thôn H, xã K về nội dung đề nghị được điều chỉnh phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại xã K, huyện Đ tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị M (hoàn trả phần chênh lệch kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm để được bồi thường, hỗ trợ bằng hình thức giao đất dịch vụ (đất ở) cho hộ gia đình theo Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008; Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của UBND thành phố H là đúng; bà Lưu Thị B khiếu nại Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là sai.

Ngày 22/7/2022, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 8919/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lưu Thị B, địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội (lần đầu). Theo đó, việc khiếu nại của bà Lưu Thị B đối với Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ là sai và giữ nguyên nội dung Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc hủy Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 và Quyết định số 8919/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lưu Thị B (lần đầu), quan điểm của người bị kiện là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã K trình bày: Trước yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B với UBND huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân

dân huyện Đ về việc hủy Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022; Quyết định số 8919/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lưu Thị B (lần đầu), quan điểm của Ủy ban nhân dân xã K là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 18, 21, 27, 28, 29 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B (Kín).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2024, người khởi kiện là bà Lưu Thị B (Kín) có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Gia đình bà B (K) bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp bằng 32,6% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP trong giai đoạn năm 2006-2008. UBND huyện Đ đã rà soát diện tích đất thu hồi của các hộ dân xã K trong đó có gia đình bà B để các hộ dân được hưởng quyền lợi theo chính sách được quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B; buộc UBND huyện Đ thực hiện đúng Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt danh sách 10 hộ gia đình, cá nhân tại thôn H, xã K đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng giao đất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/06/2008; khoản 2, 3 Điều 40 Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện được thực hiện trong thời hạn quy định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là UBND xã K vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ nên việc xét xử đảm bảo khoản 1 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đối tượng khởi kiện: Đơn khởi kiện của bà Lưu Thị B đề nghị Tòa án hủy các Quyết định hành chính gồm Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ về việc kiến nghị của các ông (bà): Lưu Minh T1, Trần Thị K1, Lưu Thị B; Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Đây là các quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai cùng quyết định giải quyết khiếu nại nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định trên và các quyết định hành chính có liên quan là đối tượng khởi kiện là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện ngày 14/09/2022, bà Lưu Thị B (Kín) làm Đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[5] Xem xét kháng cáo thấy rằng: Nguồn gốc đất của gia đình bà B là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP với diện tích 152,5m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Quyết định số 4369 thống kê tổng diện tích đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP bị thu hồi tính đến ngày 30/9/2009 của hộ gia đình bà Lưu Thị B gồm: Quyết định thu hồi đất số 1853/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của UBND thành phố H để thực hiện dự án Xây dựng trường THPT B2 đã thu hồi diện tích 38,2m² đất; Quyết định số 946/QĐ-UB ngày 05/12/2002 của UBND thành phố H để thực hiện dự án Xây dựng văn phòng điều hành dự án B - V đã thu hồi diện tích 34,4m² đất. Tính đến ngày 30/9/2009, gia đình bà B đã bị thu hồi hai lần; tổng diện tích bị thu hồi là $38,2\text{m}^2 + 34,4\text{m}^2 = 72,6\text{m}^2$ (chiếm 32,6%).

[6] Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng hình thức giao đất được UBND thành phố quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 áp dụng đối với trường hợp hộ gia đình bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP, có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trong giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 29/9/2009. Tuy nhiên, theo thống kê của Quyết định số 4969, trong giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 29/9/2009, gia đình bà B chỉ bị thu hồi theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 đối với diện tích 38,2m² để thực hiện Dự án Trường THPT B2 chiếm 25,04%. Như vậy, hộ gia đình bà Lưu Thị B

trong giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 29/9/2009 bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP nên không đủ điều kiện để được áp dụng chính sách hỗ trợ theo các Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 và Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008. Do đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5899/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 về việc điều chỉnh Quyết định số 4969/QĐ-UBND từ 10 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ xuống còn 06 hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ trong đó có gia đình bà Lưu Thị B không đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là đúng với thực tế và quy định của pháp luật. Việc UBND huyện Đ ban hành các Quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng chính sách, đúng quy định tại thời điểm ban hành nên nội dung Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ về việc trả lời kiến nghị một số công dân thôn H, xã K trong đó có bà Lưu Thị B là đúng chính sách, đúng quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên nhận thấy Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ về việc trả lời kiến nghị một số công dân thôn H, xã K trong đó có bà Lưu Thị B được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục và có căn cứ theo quy định Luật Đất đai năm 2013. Do đó, bà B đề nghị hủy Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 có nội dung: “*Giữ nguyên nội dung Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ*”. Như trên đã phân tích, Văn bản số 184/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 của UBND huyện Đ được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng trình tự thủ tục và đúng theo quy định Luật Đất đai 2013 nên nội dung của Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ được ban hành cũng đảm bảo về trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013. Yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B đề nghị hủy Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị Bè . Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Lưu Thị B không được chấp nhận nhưng bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Lưu Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lưu Thị Bè .

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Hùng Ngô Quang Dũng

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *VKSNDCC tại Hà Nội;*

- *TAND thành phố Hà Nội;*

- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*

- *Các đương sự (theo địa chỉ);*

- *Lưu HS, P.HCTP.*

Nguyễn Thị Thanh Xuân